CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI
DN: C=VN, S=GIA LAI, L=Pleiku, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5900189678
Reason: I am the author of this document
Location: tchcgiacomex
Date: 2026.10.29 15:31:20+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

CÔNC TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ GIA LAI
Số: 06 /NQ-FGL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Gia Lai, ngày 29 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

"V/v: thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Gia Lai"

Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020:

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai đã được sửa đổi và thông qua ngày 17/4/2025;

Căn cứ biên bản số 08/BB-FGL-HĐQT ngày 29/10 /2026 "V/v thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Đông Gia Lai".

QUYẾT NGHỊ

Điều 1:

1. Phê duyệt Phương án sử dụng vốn năm 2026-2027 của Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai.

2. Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Gia Lai với các nội dung cơ bản sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trị số	Ghi chú
	*** Tổng diện tích cà phê kinh doanh năm kế hoạch**	**Ha**	**378,49**	
	Năng suất bình quân	Tấn nhân/Ha	2,88	
	Sản lượng cà phê trong khoán bình quân	Tấn nhân	369	- Nộp khoán bình quân 4,56 tấn tươi/ha - Hệ số quy nhân 4,7
	Sản lượng cà phê có nhu cầu thu mua ngoài khoán	Tấn nhân	1.105	
A	**Tổng chi phí sản xuất kinh doanh**		**156.922.388.291**	
I	**Giá vốn**		**145.406.160.755**	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trị số	Ghi chú
1	**Tổng chi phí chăm sóc cà phê**	VND	**35.272.221.668**	**Tính cho 378,49 ha**
-	Chi phí b/q cho 1 ha cà phê KD	VND	35.272.221.668	định mức chi phí đã không bao gồm chi phí khấu hao
-	Tổng chi phí đầu tư tính cho công ty	VND	5.081.719.494	
-	Tổng chi phí đầu tư tính cho công nhân nhận khoán	VND	30.190.502.173	
+	Trong đó: Nhu cầu Chi phí công ty phải ứng vốn đầu tư cho công nhân.	VND	30.190.502.173	
2	**Tổng chi phí thu mua cà phê ngoài khoán**	VND	**102.765.000.000**	
-	Sản lượng thu mua	Tấn nhân	1.105,00	
-	Đơn giá thu mua	VND	93.000.000	
3	**Chi phí chế biến**	VND	**7.368.939.087**	
II	**Chi phí khấu hao**		**3.726.227.536**	
1	Khấu hao vườn cây cà phê	VND	3.102.883.646	
2	Khấu hao TSCĐ khác	VND	623.343.890	
III	**Chi phí lãi vay dự kiến**		**7.790.000.000**	
1	Lãi vay Agribank		**7.650.000.000**	
	Lãi suất dự kiến	**%/năm**	8,5%	
	Số tiền vay vốn	**VND**	90.000.000.000	
2	**Lãi vay TCT, ứng khách hàng dự kiến**		**140.000.000**	
	Lãi suất	**%/năm**	*8,4%*	
	+ Vay cổ đông lớn	**VND**	5.000.000.000	
B	**Tổng Doanh thu dự kiến**		**170.236.082.121**	
1	**Sản phẩm cà phê khoán**	**VND**	**66.366.082.121**	
	Doanh thu từ bán sản phẩm cà phê khoán	VND	34.666.054.839	
	Thu hồi vốn đã cấp ứng cho công nhân nhận khoán	VND	30.190.502.173	
	Tiền lãi vốn cấp ứng cho công nhân	VND	1.509.525.109	

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trị số	Ghi chú
2	**Doanh thu từ chế biến thu mua cà phê ngoài khoán**	**VND**	**103.870.000.000**	
	Sản lượng bán ra	Tấn nhân	1.105	
	Đơn giá bán ra	VND	94.000.000	
C	**Lợi nhuận trước thuế dự kiến**	**VND**	**13.313.693.830**	
D	**Phương án vay vốn**			
I	**Tổng nhu cầu vay vốn chăm sóc cà phê**	VNĐ	**35.272.221.668**	
1	Vòng quay vốn chăm sóc cà phê	Vòng/năm	1	
2	Nhu cầu vốn/1 vòng quay	VND	35.272.221.668	
2.1	Vốn vay	VND	35.000.000.000	
	Agribank		35.000.000.000	
2.2	Vốn đối ứng	VND	272.221.668	
II	**Tổng nhu cầu vay vốn thu mua, chế biến cà phê**	VND	**110.133.939.087**	
1	Vòng quay vốn thu mua, chế biến cà phê ngoài khoán	Vòng/năm	2	
2	Nhu cầu vốn/1 vòng quay	VND	55.066.969.544	
2.1	Vốn vay	VND	55.000.000.000	
	Agribank		55.000.000.000	
2.2	Vốn đối ứng	VND	66.969.544	

- Mục đích vay là: vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh niên vụ 2026-2027.

- Thời hạn thực hiện hạn mức vay vốn: Theo Phương án sử dụng vốn năm 2026-2027.

- Bảo đảm tiền vay: vay có bảo đảm bằng tài sản và vay không bảo đảm bằng tài sản tối đa 100 % tổng mức cấp tín dụng.

Điều 2:

Thống nhất dùng tài sản để thế chấp vay vốn tại Agribank Chi nhánh Đông Gia Lai gồm:

1. Vườn cây cà phê tại các xã Ia Hrung , xã Iagrai, xã Chư sê , cụ thể:

Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu, khai thác cây trồng trên đất tại 26 tài sản của Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai.

1 Nội dung thửa đất theo hồ sơ pháp lý

1.1 GCN số: DA 517848
- Mảnh đất số: -/-
- Địa chỉ: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai).
- Diện tích (m2): 1.617.223,20
- Hình thức sử dụng: Riêng
1.2 GCN số: DA 517822
- Mảnh đất số: -/-
- Địa chỉ: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai).
- Diện tích (m2): 2.042.419,10
- Hình thức sử dụng: Riêng
1.3 GCN số: DA 517835
- Mảnh đất số: -/-
- Địa chỉ: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai).
- Diện tích (m2): 2.633.146,00
- Hình thức sử dụng: Riêng
1.4 GCN số: DA 517808
- Mảnh đất số: -/-
- Địa chỉ: Xã Dun, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai)
- Diện tích (m2): 289.079,10
- Hình thức sử dụng: Riêng
1.5 GCN số: DA 517810
- Mảnh đất số: -/-
- Địa chỉ: Xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai).
- Diện tích (m2): 3.042.885,30
- Hình thức sử dụng: Riêng
1.6 GCN số: DA 517807
- Mảnh đất số: -/-
- Địa chỉ: Thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai).
- Diện tích (m2): 166.352,40
- Hình thức sử dụng: Riêng

2	**Tài sản gắn liền với đất**
2.1	**GCN số DA 517848**
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2012 - Diện tích trồng: 44,22ha - Vị trí: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.091865, 107.910228 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2014 - Diện tích trồng: 33,45 ha - Vị trí: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.091865, 107.910228 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2015 - Diện tích trồng: 47,60 ha - Vị trí: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.091865, 107.910228 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2016 - Diện tích trồng: 9,36 ha - Vị trí: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.091865, 107.910228 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2024 - Diện tích trồng: 1,38 ha - Vị trí: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.091865, 107.910228 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch

	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2025 - Diện tích trồng: 3,32 ha - Vị trí: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.091865, 107.910228 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2026 - Diện tích trồng: 0,98 ha - Vị trí: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.091865, 107.910228 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, chưa thu hoạch
2.2	- **GCN số DA 517822**
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2012 - Diện tích trồng: 16,19 ha - Vị trí: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.015791, 107.830698 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2013 - Diện tích trồng: 46,09 ha - Vị trí: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.015791, 107.830698 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2015 - Diện tích trồng: 2,41 ha - Vị trí: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.015791, 107.830698 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch

	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2017 - Diện tích trồng: 6,71 ha - Vị trí: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.015791, 107.830698 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2024 - Diện tích trồng: 81,77 ha - Vị trí: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.015791, 107.830698 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2025 - Diện tích trồng: 14,46 ha - Vị trí: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.015791, 107.830698 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, chưa thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2026 - Diện tích trồng: 3,79 ha - Vị trí: Xã Ia Bã, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 14.015791, 107.830698 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, chưa thu hoạch
2.3	- **GCN số DA 517835**
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2011 - Diện tích trồng: 53,80 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.962135, 107.753508 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch

	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2012 - Diện tích trồng: 7,00 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.962135, 107.753508 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2013 - Diện tích trồng: 5,43 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.962135, 107.753508 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2015 - Diện tích trồng: 14,98 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.962135, 107.753508 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2017 - Diện tích trồng: 9,25 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.962135, 107.753508 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2024 - Diện tích trồng: 101,09 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.962135, 107.753508 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch

	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2025 - Diện tích trồng: 28,78 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.962135, 107.753508 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
2.4	- **GCN số DA 517808**
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2026 - Diện tích trồng: 26,5 ha - Vị trí: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.681937, 108.098034 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, chưa thu hoạch
2.5	- **GCN số DA 517810**
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2011 - Diện tích trồng: 32,09 ha - Vị trí: Xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.661378, 108.099947 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2013 - Diện tích trồng: 88,31 ha - Vị trí: Xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.661378, 108.099947 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, đang thu hoạch

	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2026 - Diện tích trồng: 16 ha - Vị trí: Xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.661378, 108.099947 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, chưa thu hoạch
2.6	- **GCN số DA 517807**
	- Vườn cây: Cà phê - Giống cây: Cà phê TRS1 - Năm trồng: 2026 - Diện tích trồng: 16 ha - Vị trí: Thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai). - Tọa độ: 13.715877, 108.062709 - Tình trạng: Cây phát triển tương đối đồng đều, chưa thu hoạch

(2). Các quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại các xã Ia Hrung , xã Iagrai, xã Chư sê , cụ thể:

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 16; tờ bản đồ số: Trích đo 02-2020; có địa chỉ: Xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517817);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 26; tờ bản đồ số: Trích đo 03-2020; có địa chỉ: Xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517834);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 16; tờ bản đồ số: Trích đo 01-2020; có địa chỉ: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517851);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 221; tờ bản đồ số: 106; có địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517854);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 13; tờ bản đồ số: Trích đo 02-2020; có địa chỉ: Xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517901);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 15; tờ bản đồ số: Trích đo 02-2020; có địa chỉ: Xã Ia Pal, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517902);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 27; tờ bản đồ số: Trích đo 03-2020; có địa chỉ: Xã Ia Bă, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517905);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 24; tờ bản đồ số: Trích đo 03-2020; có địa chỉ: Xã Ia Grăng, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517906);*

+ Quyền sở hữu công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số: 15; tờ bản đồ số: Trích đo 01-2020; có địa chỉ: Xã Ia Yok, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai (nay là xã Ia Hrung, tỉnh Gia Lai) *(GCN: DA 517909);*

Giao ông: Nguyễn Văn Quản - người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần cà phê Gía Lai tổ chức thực hiện các nội dung đã được Hội đồng quản trị thông qua tại **Điều 1** Nghị quyết này và thực hiện thủ tục để ký kết thỏa thuận, hợp đồng, các văn bản có liên quan với Agribank Chi nhánh Đông Gia Lai phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận
- *HĐQT, BKS;;*
- *Agribank CN Đông Gia Lai;*
- *Lưu VT.*

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 5900128... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI TP.PLEIKU T. GIA LAI

Trịnh Quang Hưng